

# BẢN MÔ TẢ TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## Ngành Kỹ thuật xây dựng

(Bản mô tả tóm tắt chương trình đào tạo được trích từ Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, ban hành kèm theo Quyết định số 1783/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

### 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Nội dung	Thông tin
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Kỹ thuật xây dựng
Tên tiếng Anh	Civil Engineering
Chuyên ngành	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
Mã ngành	7580201
Loại hình đào tạo	Chính quy
Hình thức đào tạo	Tập trung
Văn bằng tốt nghiệp	Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng
Thời gian đào tạo	4,5 năm, tương đương 9 học kỳ
Số tín chỉ yêu cầu	150 tín chỉ, chưa bao gồm 03 tín chỉ Giáo dục thể chất và 09 tín chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông; theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành tại thời điểm tuyển sinh
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 10
Thời điểm cập nhật bản mô tả	05/2020

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng nhằm đào tạo kỹ sư xây dựng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu, những vấn đề về lý thuyết và thực tế xây dựng.

Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời và có ý thức phục vụ nhân dân.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình hướng đến đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng có khả năng:

<b>Mã mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>
PO1	Có kiến thức về khoa học xã hội, khoa học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật Việt Nam.
PO2	Có kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên và kỹ thuật cơ sở phù hợp với ngành xây dựng để tiếp thu, nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, chuyên sâu về xây dựng.
PO3	Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp, bao gồm khảo sát, đo đạc công trình, đánh giá địa chất, vật liệu xây dựng, nền móng, kết cấu công trình, kỹ thuật thi công và tổ chức thi công công trình.
PO4	Có kiến thức về thiết kế kết cấu, biện pháp thi công, giám sát thi công, kiểm định và đánh giá chất lượng kết cấu công trình.
PO5	Có kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tế nghề nghiệp trong tư vấn thiết kế, thi công, kiểm định các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
PO6	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản, nâng cao đủ để đáp ứng yêu cầu công việc; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động chuyên môn, giao tiếp.
PO7	Có kỹ năng giao tiếp, làm việc trong các nhóm liên ngành, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập; có kỹ năng về khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.
PO8	Nhận thức rõ ý thức tự học và nghiên cứu; có tinh thần học hỏi, cầu tiến, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm; có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có lương tâm nghề nghiệp.

### 3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng có thể đảm nhiệm các vị trí công việc sau:

<b>Nhóm vị trí</b>	<b>Mô tả công việc</b>
Cán bộ kỹ thuật, cán bộ giám sát, cán bộ quản lý dự án	Làm việc trong các doanh nghiệp tư vấn xây dựng, doanh nghiệp xây dựng, ban quản lý dự án của chủ đầu tư; ban quản lý dự án thuộc các tổ chức chính trị, chính trị – xã hội và các tổ chức khác có đầu tư xây dựng cơ bản.
Chuyên viên quản lý nhà nước về xây dựng	Làm việc trong các cơ quan hành chính có quản lý nhà nước về xây dựng cơ bản.

Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy	Làm việc tại các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong lĩnh vực xây dựng.
Làm việc, khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng	Làm việc hoặc làm chủ trong các cơ sở, công ty, doanh nghiệp do người học tự thành lập.
Học tập, phát triển chuyên môn	Tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

#### 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để bảo đảm sinh viên tốt nghiệp đạt 12 chuẩn đầu ra thuộc ba nhóm: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật Việt Nam, thể chất, quốc phòng – an ninh, khoa học xã hội trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
PLO2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên, tiếng Anh, tin học để giải quyết các vấn đề trong kỹ thuật, đáp ứng việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành.
PLO3	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở về triển khai bản vẽ, cấu tạo và nguyên lý thiết kế kiến trúc, đo đạc, cơ học, vật liệu, địa – cơ nền móng, điện – nước trong công trình dân dụng và công nghiệp.
PLO4	Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về thiết kế nền móng, thiết kế kết cấu bê tông cốt thép, kết cấu thép, kết cấu liên hợp bê tông cốt thép – thép, các phần mềm chuyên dùng để thiết kế và triển khai thi công, cải tạo công trình, lập dự toán, phân tích kinh tế xây dựng, kỹ thuật thi công, tổ chức thi công, quản lý xây dựng, kiểm định công trình để phục vụ công việc.
PLO5	Vận dụng các kiến thức đã tích lũy trong quá trình học vào thực hành nghề nghiệp thực tế, giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực xây dựng theo yêu cầu, mục tiêu đặt ra.
PLO6	Vận dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện vào môi trường làm việc liên ngành; vận dụng kỹ năng cơ bản về khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng vào thực tế sản xuất, kinh doanh.
PLO7	Vận dụng kỹ năng về công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn, giao tiếp.
PLO8	Triển khai được bản vẽ thiết kế; thực hiện khảo sát, đo đạc, định vị công trình xây dựng; hiểu hồ sơ địa chất công trình.
PLO9	Tính toán, phân tích kết cấu công trình; vận dụng được các phần mềm chuyên ngành vào thiết kế kết cấu, nền móng cho các công trình xây dựng dân dụng

<b>Mã CDR</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>
	và công nghiệp; tổ chức thí nghiệm, phân tích số liệu để đánh giá chất lượng kết cấu công trình.
PLO10	Bóc tách khối lượng, lập dự toán công trình; thiết kế được các quy trình, phương án, biện pháp kỹ thuật thi công, tổ chức thi công; thực hiện tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng và quản lý chất lượng công trình.
PLO11	Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật, tác phong làm việc chuyên nghiệp.
PLO12	Thể hiện khả năng tự học và làm việc độc lập, cũng như khả năng học suốt đời.

## 5. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo có khối lượng 150 tín chỉ, được tổ chức theo hệ thống tín chỉ. Khối lượng này chưa bao gồm các học phần điều kiện Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh.

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
Khối kiến thức giáo dục đại cương	24
Khoa học chính trị và pháp luật	13
Ngoại ngữ	7
Khoa học xã hội	4
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	126
Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	55
Kiến thức chuyên ngành	57
Thực tập nghề, thực tập tốt nghiệp	6
Đồ án tốt nghiệp	8
Tổng khối lượng toàn khóa	150

*Ghi chú: Các học phần Giáo dục thể chất 03 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 09 tín chỉ là học phần điều kiện theo quy định của chương trình.*

## 6. Nội dung đào tạo khái quát

### 6.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học hình thành nền tảng về chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh. Khối kiến thức này góp phần hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức kỷ luật, tác phong và năng lực học tập của người học.

Một số học phần tiêu biểu gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương, Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Kỹ năng giao tiếp, Khởi nghiệp, Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất thống kê, Phương pháp tính, Vật lý, Thí nghiệm vật lý, Tin học cơ sở cho xây dựng.

## 6.2. Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành

Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trang bị cho người học nền tảng kỹ thuật và chuyên môn cốt lõi của ngành Kỹ thuật xây dựng, làm cơ sở để tiếp tục học các học phần chuyên ngành và vận dụng vào khảo sát, thiết kế, thi công, kiểm định, quản lý công trình xây dựng.

Nhóm nội dung	Các học phần cốt lõi
Cơ học và trắc địa cơ sở	Cơ học lý thuyết, Trắc địa, Sức bền vật liệu 1, Sức bền vật liệu 2, Cơ học kết cấu 1, Cơ học kết cấu 2.
Kiến trúc và bản vẽ kỹ thuật	Hình họa và Vẽ kỹ thuật, Vẽ kỹ thuật xây dựng, Thực hành vẽ kỹ thuật xây dựng, Thực hành AutoCAD, Nguyên lý kiến trúc, Cấu tạo kiến trúc, Đồ án kiến trúc.
Vật liệu, địa chất, địa kỹ thuật	Vật liệu xây dựng, Thí nghiệm vật liệu xây dựng và Sức bền vật liệu, Địa chất công trình, Thực tập địa chất công trình, Cơ học đất, Thí nghiệm cơ học đất.
Hạ tầng kỹ thuật công trình	Cơ lưu chất, Cấp thoát nước, Điện công trình.
Tin học và phần mềm trong xây dựng	Tin học cơ sở cho xây dựng, Ứng dụng Tin học trong xây dựng, Thực hành ứng dụng Tin học trong xây dựng.

## 6.3. Khối kiến thức chuyên ngành

Khối kiến thức chuyên ngành giúp người học phát triển năng lực tính toán, thiết kế, thi công, giám sát, kiểm định, quản lý chất lượng và tổ chức xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Một số học phần chuyên ngành bắt buộc gồm: Kết cấu bê tông cốt thép, Đồ án kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu nhà bê tông cốt thép, Đồ án kết cấu nhà bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Kết cấu nhà thép, Đồ án kết cấu thép, Nền móng, Đồ án nền móng, Kỹ thuật thi công 1, Kỹ thuật thi công 2, Đồ án kỹ thuật thi công, Tổ chức thi công, Đồ án tổ chức thi công, Thí nghiệm và kiểm định công trình, Thực hành thí nghiệm và kiểm định công trình, Nhà cao tầng bê tông cốt thép, Luật xây dựng và Kinh tế xây dựng, Dự toán xây dựng, Thực hành dự toán xây dựng.

## 6.4. Các học phần tự chọn chuyên ngành

Người học được lựa chọn học phần tự chọn để mở rộng hoặc chuyên sâu năng lực nghề nghiệp. Các học phần tự chọn của chương trình gồm:

- Kết cấu bê tông ứng suất trước;

- Công trình trên nền đất yếu;
- Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt;
- Chuyên đề an toàn lao động;
- Chuyên đề trang thiết bị công trình;
- Hư hỏng sửa chữa và gia cường công trình;
- Quản lý dự án xây dựng;
- Chuyên đề nền móng nhà cao tầng;
- Chuyên đề kết cấu liên hợp thép – bê tông;
- Chuyên đề thi công đặc biệt.

### 6.5. Thực tập và đồ án tốt nghiệp

Chương trình có các học phần thực tập và đồ án nhằm giúp người học vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp. Các học phần gồm: Thực tập nhận thức ngành Kỹ thuật xây dựng, Thực tập công nhân 1, Thực tập công nhân 2, Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp.

### 7. Kế hoạch giảng dạy khái quát theo học kỳ

Chương trình được thiết kế trong 9 học kỳ. Lộ trình học tập được tổ chức theo hướng từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành đến chuyên ngành, thực tập và đồ án tốt nghiệp.

Học kỳ	Định hướng nội dung chính	Số tín chỉ dự kiến
Học kỳ 1	Triết học Mác – Lênin, Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng, Đại số tuyến tính, Giải tích, Vật lý, Thí nghiệm vật lý, Tiếng Anh 1, Hình họa và Vẽ kỹ thuật, Giáo dục thể chất tự chọn.	20,5
Học kỳ 2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Pháp luật đại cương, Tiếng Anh 2, Tin học cơ sở cho xây dựng, Cơ học lý thuyết, Xác suất thống kê, Phương pháp tính, Kỹ năng giao tiếp, Thực hành AutoCAD, Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất tự chọn.	20
Học kỳ 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học, Trắc địa, Địa chất công trình, Thực hành trắc địa, Thực tập địa chất công trình, Sức bền vật liệu 1, Vẽ kỹ thuật xây dựng, Thực hành vẽ kỹ thuật xây dựng, Nguyên lý kiến trúc, Thực tập nhận thức ngành Kỹ thuật xây dựng, Giáo dục thể chất tự chọn.	16,5
Học kỳ 4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Kỹ thuật điện, Vật liệu xây dựng, Sức bền vật liệu 2, Cơ học kết cấu 1, Cơ học đất, Cấu tạo kiến trúc, Đồ án kiến trúc.	16
Học kỳ 5	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khởi nghiệp, Thí nghiệm cơ học đất, Kết cấu bê tông cốt thép, Đồ án kết cấu bê tông cốt thép, Thí nghiệm vật liệu xây dựng và Sức bền vật liệu, Cơ học kết cấu 2, Ứng dụng Tin học trong xây dựng, Thực hành ứng dụng Tin học trong xây dựng, Thực tập công nhân 1.	18

Học kỳ	Định hướng nội dung chính	Số tín chỉ dự kiến
Học kỳ 6	Cơ lưu chất, Kết cấu nhà bê tông cốt thép, Kết cấu thép, Nền móng, Kỹ thuật thi công 1, Đồ án kết cấu nhà bê tông cốt thép, Đồ án nền móng, Thực tập công nhân 2.	17
Học kỳ 7	Tiếng Anh chuyên ngành, Kết cấu nhà thép, Kỹ thuật thi công 2, Cấp thoát nước, Đồ án kết cấu thép, Đồ án kỹ thuật thi công và học phần tự chọn chuyên ngành.	16
Học kỳ 8	Thí nghiệm và kiểm định công trình, Nhà cao tầng bê tông cốt thép, Luật xây dựng và Kinh tế xây dựng, Dự toán xây dựng, Thực hành dự toán xây dựng, Thực hành thí nghiệm và kiểm định công trình, Tổ chức thi công, Đồ án tổ chức thi công và học phần tự chọn chuyên ngành.	15
Học kỳ 9	Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp.	11

### 8. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào chuẩn đầu ra

Theo chương trình dạy học, các khối kiến thức và học phần trong chương trình đều có đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của ngành học. Mức độ đóng góp được xác định theo ba mức: L – mức thấp, M – mức trung bình, H – mức cao.

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ	Đóng góp chính vào chuẩn đầu ra
Khối kiến thức giáo dục đại cương	36	22,22%	Góp phần hình thành nền tảng chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ, tin học và các năng lực chung liên quan đến PLO1, PLO2, PLO6, PLO7, PLO11, PLO12.
Khoa học chính trị và pháp luật	13	8,02%	Góp phần trực tiếp vào PLO1, PLO11 và PLO12.
Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh	12	7,41%	Góp phần vào PLO1, PLO11 và PLO12.
Ngoại ngữ	7	4,32%	Góp phần vào PLO6, PLO7 và PLO12.
Khoa học xã hội	4	2,47%	Góp phần vào PLO6, PLO7, PLO11 và PLO12.
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	126	77,8%	Đóng góp vào toàn bộ các PLO, đặc biệt là nhóm chuẩn đầu ra chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Đóng góp chính vào chuẩn đầu ra</b>
Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	55	33,95%	Hình thành nền tảng kỹ thuật, cơ sở chuyên môn và kỹ năng ban đầu phục vụ các PLO2, PLO3, PLO5, PLO8, PLO9.
Kiến thức chuyên ngành	57	35,19%	Đóng góp trực tiếp vào năng lực thiết kế, thi công, kiểm định, dự toán, quản lý chất lượng và tổ chức xây dựng, gắn với PLO4, PLO5, PLO8, PLO9, PLO10.
Thực tập nghề, thực tập tốt nghiệp	6	3,70%	Gắn với năng lực thực hành nghề nghiệp, thích ứng môi trường làm việc, giao tiếp, làm việc nhóm, trách nhiệm nghề nghiệp và học tập suốt đời.
Đồ án tốt nghiệp	8	4,94%	Tổng hợp, đánh giá năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn để giải quyết nhiệm vụ kỹ thuật xây dựng.

## **9. Phương pháp giảng dạy – học tập**

Chương trình sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy – học tập khác nhau, phù hợp với đặc thù từng học phần, loại hình lớp học và mục tiêu phát triển năng lực người học.

### **9.1. Giảng dạy trực tiếp**

Được áp dụng chủ yếu ở các học phần lý thuyết nhằm cung cấp kiến thức nền tảng, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các phương pháp thường dùng gồm:

- Thuyết giảng;
- Câu hỏi gợi ý;
- Thảo luận.

### **9.2. Giảng dạy gián tiếp**

Áp dụng trong một số học phần như đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp hoặc học phần yêu cầu người học tự tìm hiểu, tự hình thành phương án. Các phương pháp gồm:

- Câu hỏi gợi mở;
- Xây dựng ý tưởng;
- Nghiên cứu tình huống;
- Giải quyết vấn đề.

### **9.3. Học tập trải nghiệm**

Được triển khai thông qua thực hành, thí nghiệm, thực tập chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, đồ án thiết kế môn học và đồ án tốt nghiệp. Các phương pháp gồm:

- Mô hình;
- Thực tập, thực tế;

- Thí nghiệm;
- Thiết kế.

#### 9.4. Giảng dạy tương tác

Được thực hiện trong các học phần yêu cầu trao đổi, làm việc nhóm, thuyết trình nhóm, thực hành nhóm, thực tập doanh nghiệp, tham quan thực tế và đồ án tốt nghiệp. Các phương pháp gồm:

- Thảo luận;
- Giải quyết vấn đề;
- Học tập nhóm;
- Tương tác, phản hồi.

#### 9.5. Học tập độc lập

Người học thực hiện các hoạt động học tập độc lập như làm bài tập ở nhà, viết báo cáo thí nghiệm, trình bày thí nghiệm, thực hiện đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp và tự học. Các phương pháp gồm:

- Phân công công việc cá nhân;
- Dự án nghiên cứu, đồ án;
- Hướng dẫn sử dụng máy tính;
- Phản ánh.

### 10. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn. Chương trình sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần và kết hợp đánh giá tiến trình với đánh giá tổng kết.

Hình thức đánh giá	Nội dung
Đánh giá chuyên cần	Đánh giá tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.
Đánh giá quá trình	Gồm bài kiểm tra cá nhân, báo cáo nhóm, seminar, bài tập lớn hoặc các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu học phần.
Thi kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt yêu cầu của học phần thông qua hình thức phù hợp như viết, vấn đáp hoặc hình thức khác theo đề cương học phần.
Đánh giá thực hành, thí nghiệm	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành; điểm học phần được tính từ kết quả các bài thực hành/thí nghiệm theo quy định.
Đánh giá đồ án	Đối với học phần đồ án môn học, tỷ trọng đánh giá gồm 40% điểm quá trình và 60% điểm thể hiện đồ án.

Hình thức đánh giá	Nội dung
Đánh giá thực tập	Đánh giá ý thức, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và báo cáo thực tập.

Đối với học phần lý thuyết, tỷ trọng đánh giá thường gồm: chuyên cần 10%, quá trình 30% và cuối kỳ 60%. Đối với học phần thí nghiệm, thực hành, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận, việc đánh giá thực hiện theo quy định cụ thể của từng học phần và quy chế đào tạo.

### 11. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

Nhóm điều kiện	Nội dung
Chuyên môn	Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo, đạt 150 tín chỉ.
Kết quả học tập	Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
Ngoại ngữ	Đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin theo quy định chung của Nhà trường; trong CTĐT nêu tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
Công nghệ thông tin	Đạt trình độ tin học theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hiện hành.
Giáo dục thể chất, quốc phòng – an ninh	Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất.
Các điều kiện khác	Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

### 12. Thông tin dành cho các bên liên quan

Bản mô tả tóm tắt này nhằm giúp các bên liên quan tiếp cận nhanh các thông tin cơ bản của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng năm 2020.

Nhóm bên liên quan	Thông tin cần nắm bắt
Người học	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, kế hoạch học tập, phương pháp đánh giá và điều kiện tốt nghiệp.
Phụ huynh	Thời gian đào tạo, khối lượng học tập, văn bằng, điều kiện tốt nghiệp và vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

Giảng viên	Chuẩn đầu ra, học phần phụ trách, đóng góp của học phần vào PLOs, phương pháp giảng dạy và đánh giá.
Nhà tuyển dụng	Năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng sử dụng phần mềm/công nghệ và vị trí công việc phù hợp của sinh viên tốt nghiệp.
Cựu người học	Định hướng nghề nghiệp, khả năng học tập nâng cao và cơ hội tham gia góp ý cải tiến chương trình.
Đơn vị quản lý	Thông tin phục vụ quản lý đào tạo, truyền thông, tuyển sinh, bảo đảm chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo.

### 13. Tóm tắt giá trị cốt lõi của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng năm 2020 đào tạo kỹ sư có kiến thức nền tảng và chuyên môn về xây dựng dân dụng và công nghiệp; có năng lực khảo sát, triển khai bản vẽ, tính toán và thiết kế kết cấu, nền móng; có khả năng lập dự toán, tổ chức thi công, giám sát thi công, kiểm định và quản lý chất lượng công trình; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và phần mềm chuyên ngành; đồng thời có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần tự học, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và học tập suốt đời.